TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:102/2017/DS-ST
Ngày: 08/11/2017
V/v tranh chấp về
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Ngọc Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: ông Phạm Tấn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 551/2015/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2015 về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản ” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 350/2017/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2017, quyết định hoãn phiên tòa số 274/2017/QĐST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2017 và theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2017/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: **Ngân hàng A**
Địa chỉ : Số x Đường M, phường N, Quận O, Thành phố P.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1994, Địa chỉ: Số v Đường H, Phường y, Quận G, Thành phố L

2. *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm: 1974
Địa chỉ: Số q, ấp r, xã D, huyện U, Tp. L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Thanh T - người đại diện hợp pháp của Ngân hàng A trình bày như sau:

Ngày 20/02/2014 Bà Nguyễn Thị Ngọc B có ký hợp đồng tín dụng số 20140222-500000-0008 với Ngân hàng A với nội dung: vay số tiền 29.400.000 đ (hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng), lãi suất 3,75%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, Bà Nguyễn Thị Ngọc B có trách nhiệm thanh toán số tiền 54.700.000 đ (năm mươi bốn triệu bảy trăm ngàn đồng) gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong 36 tháng: 35 tháng đầu trả mỗi tháng 1.502.000 đ (một triệu năm trăm lẻ hai ngàn đồng), tháng cuối trả 2.130.000 đồng, thanh toán vào ngày 01 tây hàng tháng, bắt đầu từ ngày 01/4/2014. Thực hiện hợp đồng, khách hàng đã nhận đủ tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán cho Ngân hàng A 6 lần với số tiền 8.010.000 đồng. Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc B trả cho Ngân hàng A số tiền 46.690.000 đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) bao gồm: 26.987.613 đồng tiền vốn và 19.702.387 đồng tiền lãi suất, theo phương thức trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Ngọc B (bị đơn) trình bày: Năm 2014 tôi có vay của Ngân hàng A số tiền 29.400.000 đ (hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng) với lãi suất thỏa thuận là 3,75%/tháng, trả dần trong vòng 36 tháng, mỗi tháng trả 1.502.000 đ (một triệu năm trăm lẻ hai ngàn đồng). Tôi đã trả cho Ngân hàng A được 6 tháng với tổng số tiền 8.010.000 đồng. Sau đó vì hoàn cảnh khó khăn nên tôi không trả góp cho Ngân hàng A theo đúng thỏa thuận. Nay Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu tôi trả 46.690.000 đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) bao gồm: 26.987.613 đồng tiền vốn và 19.702.387 đồng tiền lãi suất, theo phương thức trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật thì Bà Nguyễn Thị Ngọc B có ý kiến như sau: thống nhất còn nợ Ngân hàng A 46.690.000 đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) bao gồm: 26.987.613 đồng tiền vốn và 19.702.387 đồng tiền lãi suất, đồng ý trả cho Ngân hàng A số tiền còn nợ nhưng xin được trả số tiền nợ theo phương thức trả mỗi tháng 1.000.000 đ (một triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong trong quá trình giải quyết vụ án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thịnh Vượng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật: Vụ án được thụ lý trước ngày 01 tháng 7 năm 2017 nhưng sau ngày 01 tháng 7 năm 2017 mới giải quyết theo thủ tục sơ thẩm nên áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hợp đồng vay tài sản phát sinh tranh chấp được xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật tổ chức tín dụng năm 2010 có hiệu lực nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và Luật tổ chức tín dụng năm 2010 để giải quyết.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng A khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc B tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị Ngọc B có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh theo quy định tại định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Theo đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20140222-500000-0008 được xác lập ngày 24/02/2014 giữa Ngân hàng A và Bà Nguyễn Thị Ngọc B: Ngân hàng A cho bà Nguyễn Thị Ngọc B vay số tiền 29.400.000 đ (hai mươi chín triệu bốn trăm ngàn đồng); lãi suất cho vay: 3,75%/tháng; thời hạn vay 36 tháng; phương thức trả nợ: trả dần hàng tháng cho đến khi hết nợ.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng A và bà Nguyễn Thị Ngọc B xác nhận bà Nguyễn Thị Ngọc B đã thanh toán cho Ngân hàng A được 06 tháng tiền vốn và lãi suất với tổng số tiền là 8.010.000 đ (tám triệu không trăm mười ngàn đồng) bao gồm: 2.412.387 đ (hai triệu bốn trăm mười hai ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng) tiền vốn và 5.597.613 đồng . Hiện bà Nguyễn Thị Ngọc B còn nợ Ngân hàng A số tiền 46.690.000 đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) bao gồm: 26.987.613 đồng tiền vốn và 19.702.387 đồng tiền lãi suất.

[5] Bà Nguyễn Thị Ngọc B đồng ý trả cho Ngân hàng A số tiền 46.690.000 đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) bao gồm: 26.987.613 đồng tiền vốn và 19.702.387 đồng tiền lãi suất nhưng xin được trả số tiền trên theo phương thức trả dần mỗi tháng 1.000.000 đ (một triệu đồng) cho đến khi thanh toán xong. Xét thấy theo hợp đồng vay tài sản đã ký thì Bà Nguyễn Thị Ngọc B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A theo phương thức trả góp hàng tháng trong thời hạn 36 tháng. Nhưng kể từ khi vay tiền đến nay (hơn 44 tháng) nhưng Bà Nguyễn Thị Ngọc B chỉ trả được 6 tháng là vi phạm hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Nay bà Nguyễn Thị Ngọc B lại xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ là không phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên không chấp nhận ý kiến của Bà Nguyễn Thị Ngọc B về việc xin được trả góp số tiền còn nợ theo phương thức trả góp mỗi tháng 1.000.000 đồng.

[6] Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: "Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc yêu cầu Bà Nguyễn Thị Ngọc B trả số tiền 46.690.000 đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) bao gồm: 26.987.613 đ (hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm mười ba đồng) tiền vốn và 19.702.387đ (mười chín triệu bảy trăm lẻ hai ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng) tiền lãi suất, theo phương thức trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc B chịu án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể như sau: 46.690.000 x 5% = 2.345.000 đ (hai triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 48 của Nghi Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với bà Nguyễn Thị Ngọc B:

Bà Nguyễn Thị Ngọc B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng A số tiền 46.690.000 đ (bốn mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng) bao gồm: 26.987.613 đ (hai mươi sáu triệu chín trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm mười ba đồng) tiền vốn và 19.702.387đ (mười chín triệu bảy trăm lẻ hai ngàn ba trăm tám mươi bảy đồng) tiền lãi suất theo phương thức trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Ngọc B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20140222-500000-0008 được xác lập ngày 24/02/2014 giữa Ngân hàng Avà Bà Nguyễn Thị Ngọc B cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Bà Nguyễn Thị Ngọc B chịu 2.345.000 đ (hai triệu ba trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) án phí dận sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 1.408.251 đ (một triệu bốn trăm lẻ tám ngàn hai trăm năm mươi mốt đồng) là số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng A đã đóng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0009308 ngày 06/11/2015 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM
- VKSND huyện BC
- THADS huyện BC
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

Hồ Thị Thanh Loan